BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CNTT TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2026

DANH MỤC MÔN HỌC
HỌC KỲ 2 (2026 - 2027) - KHÓA 26

STT	Mã môn học	Tên môn học/Học phần	Số tín chỉ	Tổng giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành	Giờ thực tập/Giờ tự học	Giờ Bài tập/Thảo luận/Kiểm tra	Thi/Kiểm tra
1. Cao đẳng Chất lượng cao:									
1.1 Ngành Công nghệ thông tin (CD26CT_CLC1)									
1	MH503904	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	135	36	35	60	0	4
2	MH503906	Tiếng Anh B1	2	90	29	30	30	0	1
3	MĐ501903	Cơ sở dữ liệu	4	180	28	58	90	0	4
4	MĐ501904	Lập trình hướng đối tượng	3	135	42	30	60	0	3
5		Thiết kế giao diện web	3	135	42	30	60	0	3
6		Lập trình Python cơ bản	3	135	42	30	60	0	3
1.2. Ngành Công nghệ thông tin (CD26CT_CLC2)									
1	MH503904	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	135	36	35	60	0	4
2		Năng lực số	3	135	15	57	60	0	3
3	MH503905	Tiếng Anh A2	2	90	29	30	30	0	1
4	MĐ501903	Cơ sở dữ liệu	4	180	28	58	90	0	4
5	MĐ501904	Lập trình hướng đối tượng	3	135	42	30	60	0	3
6		Thiết kế giao diện web	3	135	42	30	60	0	3
7		Lập trình Python cơ bản	3	135	42	30	60	0	3
1.3. Ngành Truyền thông đa phương tiện (CD26TT_CLC)									
1	MH503904	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	135	36	35	60	0	4
2	MH503905	Tiếng Anh A2	2	90	29	30	30	0	1
3		Kịch bản truyền thông & Prompt Engineering	3	135	15	57	60	0	3
4		Tư duy Thị giác và Thiết kế Storyboard	3	135	42	30	60	0	3
5		Nhiếp ảnh & Xử lý hình ảnh bằng AI	3	135	15	57	60	0	3
6		Nghệ thuật chữ	2	90	28	30	30	0	2
7		Thiết kế vector	3	135	42	30	60	0	3
8		Truyền thông Marketing số	2	90	28	30	30	0	2
2. Cao đẳng đại trà:									
2.1. Các môn chung:									
1	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	0	0	4
2	MH510000	Tiếng Anh cơ bản	3	60	21	36	0	0	3
3	MH510001	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	0	0	3
2.2 Ngành Công nghệ thông tin (CD26CT1 - CD25CT8)									
1	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	27	0	0	3

STT	Mã môn học	Tên môn học/Học phần	Số tín chỉ	Tổng giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành	Giờ thực tập/Giờ tự học	Giờ Bài tập/Thảo luận/Kiến tập	Thi/Kiểm tra
2	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	60	30	27	0	0	3
4	MĐ501045	Lập trình PHP 1	3	60	30	27	0	0	3
2.3 Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (CD26DT1,2)									
1	MĐ501078	An toàn điện	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ501076	Điện tử cơ bản	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ501080	Đo lường và cảm biến	3	60	30	27	0	0	3
4	MĐ501239	Lý thuyết mạch	2	30	28	0	0	0	2
5	MĐ501267	Thiết kế mạch điện tử	3	60	30	27	0	0	3
2.4 Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính (CD26CM1,2,3)									
1		An toàn lao động	3	135	27	30	75	0	3
2	MĐ501076	Điện tử cơ bản	3	135	42	60	30	0	3
3	MĐ502143	Mạng máy tính	3	135	27	75	30	0	3
4		Xử lý sự cố phần mềm	3	135	42	30	60	0	3
2.5 Ngành Lập trình máy tính (CD26LM1,2)									
1	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	60	30	27	0	0	3
4	MĐ501145	Lập trình Android cơ bản	3	60	30	27	0	0	3
2.6 Ngành Thiết kế đồ họa (CD26DH1-CD26DH4)									
1	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ501027	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ501029	Thiết kế chuyển động 2D	3	60	30	27	0	0	3
4	MĐ501031	Thiết kế đồ họa với Corel DRAW	3	60	30	27	0	0	3
2.6 Ngành Truyền thông mạng máy tính (CD26TM2,3)									
1	MĐ501208	Cơ sở dữ liệu	4	180	28	58	90	0	4
2	MH501180	CCNA1 - Mạng máy tính cơ bản	4	180	28	58	90	0	4
3	MĐ501253	Quản trị hệ thống Windows Server	4	180	28	58	90	0	4
2.7 Ngành Truyền thông đa phương tiện (CD26TT, TT1,2)									
1	MĐ501172	Thiết kế hình ảnh	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ501245	Nhiếp ảnh và xử lý hình ảnh	3	60	30	27	0	0	3
2.8 Ngành Logistics (CD26LG1,2)									
1	MH502007	Quản trị học	3	60	30	27	0	0	3
2	MH502141	Kinh tế quốc tế	2	45	15	28	0	0	2
3	MH502146	Luật thương mại quốc tế	2	45	15	28	0	0	2
4	MH502035	Chuỗi cung ứng toàn cầu	3	60	30	27	0	0	3

STT	Mã môn học	Tên môn học/Học phần	Số tín chỉ	Tổng giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành	Giờ thực tập/Giờ tự học	Giờ Bài tập/Thảo luận/Kiến tập	Thi/Kiểm tra
2.9 Ngành Quản trị kinh doanh (CD26QT1,2)									
1	MH502007	Quản trị học	3	60	30	27	0	0	3
2	MH502133	Kế toán bán hàng	3	60	30	27	0	0	3
3	MH502909	Nhập môn chuỗi cung ứng	3	60	30	27	0	0	3
2.10 Ngành Marketing (CD26MK1,2,3)									
1	MH502007	Quản trị học	3	60	30	27	0	0	3
2	MH502154	Nhập môn Digital Marketing	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ502130	Đồ họa xử lý ảnh với Photoshop	3	90	15	27	0	45	3
2.11 Ngành Thương mại điện tử (CD26TD1,2)									
1	MH502020	Thanh toán quốc tế	3	60	30	27	0	0	3
2	MH502007	Quản trị học	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ502233	Thiết kế giao diện web	4	105	30	26	0	45	4
4	MH502210	Thương mại điện tử	3	60	30	27	0	0	3
3. Trung cấp (TC26TH, TC26TM)									
1	MH802003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	2	45	21	21	0	0	3
2	MH810001	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	0	0	2
3	MĐ801008	Thiết kế web 1	3	60	30	27	0	0	3
4	MĐ801085	Cơ sở dữ liệu	4	90	30	56	0	0	4
5	MĐ801103	Thiết kế đồ họa (Adobe Illustrator)	3	60	30	27	0	0	3
4. Liên thông Cao đẳng									
4.1. Các môn học chung:									
1	MH602004	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	1	30	15	14	0	0	1
2	MH602002	Giáo dục Chính trị 2	3	45	26	16	0	0	3
3	MH602003	Pháp luật 2	1	15	9	5	0	0	1
4	MH502144	Kỹ năng mềm 2	2	45	15	28	0	0	2
4.1 Ngành Công nghệ thông tin (CL26CT1,2)									
1	MĐ601018	Lập trình web phía máy chủ	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ601101	Lập trình giao diện web	3	60	30	27	0	0	3
4.2 Ngành Thiết kế đồ họa (CL26ĐH1)									
1	MĐ501029	Thiết kế chuyển động 2D	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ501038	Thiết kế 3D	3	60	30	27	0	0	3
3	MĐ501037	Thiết kế layout Web	3	60	30	27	0	0	3
4	MĐ501258	Thiết kế 3D nâng cao	4	90	30	57	0	0	3
4.3 Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính (CL26CM1)									
1	MĐ601052	Kỹ thuật số	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ601096	IoT (Intenet of Things)	4	85	45	10	0	26	4
4.4 Ngành Truyền thông mạng máy tính (CL26TM1,2,3)									
1	MĐ601113	Thiết kế mạng LAN và WAN	3	60	30	27	0	0	3
2	MĐ501271	Tổng đài NOX	3	60	30	27	0	0	3